

TP. HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Số: 299/2016/CV-MAWMHCM

V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo tài chính
Bán niên năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 91 Pasteur, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3910 2222 Fax: 08 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 91 Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 08 3910 2222 Fax: 08 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- **Báo cáo tài chính kiểm toán bán niên năm 2016;**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào 14h00 ngày 15/08/2016 tại đường dẫn như sau:

<https://www.masvn.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Thay mặt Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng
khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)
Tổng Giám Đốc**

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính kiểm toán bán niên 2016



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	7 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	14
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 53

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007. Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của UBCKNN, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam). Giấy phép của Công ty được sửa đổi như sau:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
121/GP-UBCK	Thay đổi hình thức pháp lý của Công ty	Ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 24 tháng 5 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 8, tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người).

CHỦ SỞ HỮU VÀ HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ngày 8 tháng 1 năm 2016, UBCKNN đã cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 121/GP-UBCK cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam), một công ty con do Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited sở hữu toàn phần. Theo đó, Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited đã có quyết định về việc bổ nhiệm Hội đồng Thành viên của Công ty từ ngày 8 tháng 1 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Byun Jae Sang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Kim Dae Hwan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và đến ngày 8 tháng 1 năm 2016 như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Moon Kyung Kang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Ryu Hyeuk Sun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007

Các thành viên Hội đồng Quản trị này đã được miễn nhiệm tại ngày 8 tháng 1 năm 2016 theo Quyết định của Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Nghiêm Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Woo Young Ki	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Cao Thị Bảo Lê	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2016
Bà Ngô Thanh Thủy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 21 tháng 4 năm 2016 là ông Woo Young Ki.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 21 tháng 4 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo giữa niên độ này là ông Kang Moon Kyung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, thu nhập toàn diện giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61214809/18608898-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 từ trang 5 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
20	I. Doanh thu hoạt động		27.749.107.679	14.985.328.639
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		9.612.319.620	3.386.319.061
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		-	2.520.000
01.2	b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.1	8.778.250.900	2.831.612.500
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	4.2	834.068.720	552.186.561
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4.2	7.087.974.063	6.013.413.308
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	4.2	5.581.017.934	2.340.346.426
06	1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.3	5.011.638.236	2.995.472.679
08	1.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	4.3	172.084.554	1.106.905
10	1.6 Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.3	284.073.272	248.670.260
40	II. Chi phí hoạt động		(15.237.373.663)	(8.491.177.774)
21	2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(5.510.400.910)	(1.100.108.130)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	6	(2.400.000)	(24.300.000)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.1	(5.508.000.910)	(1.075.808.130)
23	2.2 Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu		(982.894.250)	(50.682.250)
27	2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	5	(8.323.890.817)	(6.963.694.839)
31	2.4 Chi phí dịch vụ lưu ký chứng khoán		(420.187.686)	(376.692.555)
50	III. Doanh thu hoạt động tài chính	7	125.538.892	357.042.307
41	3.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	9.966
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ		125.538.892	180.280.233
44	3.3 Doanh thu khác về đầu tư		-	176.752.108
	IV. Chi phí tài chính		(110.673)	-
51	4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(110.673)	-
62	V. Chi phí quản lý	8	(7.434.386.778)	(7.567.410.533)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
70	VI. Kết quả hoạt động		5.202.775.457	(716.217.361)
80	VII. Thu nhập khác và chi phí khác		60.752.170	(2.539.788)
71	7.1 Thu nhập khác		77.371.149	7.578
72	7.2 Chi phí khác		(16.618.979)	(2.547.366)
90	VIII. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		5.263.527.627	(718.757.149)
91	8.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		1.993.277.637	(2.474.561.519)
92	8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		3.270.249.990	1.755.804.370
100	IX. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	9	-	-
200	X. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN		5.263.527.627	(718.757.149)
201	10.1 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		5.263.527.627	(718.757.149)
202	10.2 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trích các Quỹ		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		5.263.527.627	(718.757.149)
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		5.263.527.627	(718.757.149)

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		550.251.545.936	290.661.732.693
110	I. Tài sản tài chính		549.244.296.593	290.051.585.462
111	1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	10	177.591.402.987	38.627.883.916
111.1	a. Tiền		1.291.402.987	627.883.916
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		176.300.000.000	38.000.000.000
112	1.2 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	12.1	54.432.596.275	51.157.555.225
113	1.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến đáo hạn (HTM)	12.2	180.000.000.000	110.000.000.000
114	1.4 Các khoản cho vay	12.3	133.939.355.724	85.082.395.366
115	1.5 Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	12.4	572.618.000	572.618.000
116	1.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	12.5	(315.273.972)	-
117	1.7 Các khoản phải thu	13	1.912.098.889	4.408.961.112
117.4	a. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.912.098.889	4.408.961.112
118	1.8 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20	8.264.008	2.772.711
119	1.9 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	13	172.090.189	73.120.368
122	1.10 Các khoản phải thu khác	13	931.144.493	126.278.764
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	14	1.007.249.343	610.147.231
131	2.1 Tạm ứng		10.297.101	111.581.306
133	2.2 Chi phí trả trước ngắn hạn		869.604.242	490.274.650
134	2.3 Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		2.200.000	2.200.000
135	2.4 Tài sản ngắn hạn khác		125.148.000	6.091.275
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		126.733.657.495	7.006.462.610
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		120.000.000.000	-
212	1.1 Các khoản phải thu dài hạn		120.000.000.000	-
212.1	a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12.2	120.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		1.613.523.318	2.518.485.538
221	2.1 Tài sản cố định hữu hình	15	988.692.393	1.165.073.143
222	a. Nguyên giá		9.951.790.883	13.403.322.242
223a	b. Giá trị khấu hao lũy kế		(8.963.098.490)	(12.238.249.099)
227	2.2 Tài sản cố định vô hình	16	624.830.925	1.353.412.395
228	a. Nguyên giá		7.729.384.240	7.729.384.240
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.104.553.315)	(6.375.971.845)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		373.500.500	-
250	IV. Tài sản dài hạn khác		4.746.633.677	4.487.977.072
251	4.1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		750.868.290	735.681.327
252	4.2 Chi phí trả trước dài hạn	17	1.699.350.121	1.645.325.641
254	4.3 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18	2.296.415.266	2.106.970.104
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		676.985.203.431	297.668.195.303

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.619.508.567	37.566.028.066
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		11.619.508.567	37.566.028.066
311	1.1 Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		9.640.000.000	34.300.000.000
312	a. Vay ngắn hạn	19	9.640.000.000	34.300.000.000
322	1.2 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	20	431.884.979	215.233.054
324	1.3 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		84.813.000	41.754.000
325	1.4 Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.333.864.998	2.138.489.928
329	1.5 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		86.078.681	823.184.175
330	1.6 Dự phòng phải trả		42.866.909	47.366.909
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		665.365.694.864	260.102.167.237
410	I. Vốn chủ sở hữu		665.365.694.864	260.102.167.237
411	1.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	300.000.000.000
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	700.000.000.000	300.000.000.000
414	1.2 Quỹ dự trữ vốn điều lệ		11.875.117	11.875.117
415	1.3 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		11.875.117	11.875.117
417	1.4 Lỗ lũy kế	22.2	(34.658.055.370)	(39.921.582.997)
417.1	a. Lỗ lũy kế đã thực hiện		(47.478.799.200)	(49.472.076.837)
417.2	b. Lợi nhuận chưa thực hiện		12.820.743.830	9.550.493.840
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		676.985.203.431	297.668.195.303

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ Đơn vị	Số dư đầu kỳ (trình bày lại) Đơn vị
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại (USD)		23	23
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("TTLKCK") của Công ty	23.1	772.269	752.671
008.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		772.269	752.671
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công Ty	23.2	406	188
009.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		406	188
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công Ty	23.3	21.557	17
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của nhà đầu tư	23.4	217.564.536	194.932.193
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		217.183.796	194.493.493
	- Cổ phiếu		125.187.383	109.597.080
	- Trái phiếu		91.996.413	84.896.413
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		15.100	15.100
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.500	4.500
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		361.140	419.100
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của nhà đầu tư	23.5	429.348	227.289
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		429.348	222.179
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	5.110
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	23.6	503.268	28.032

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

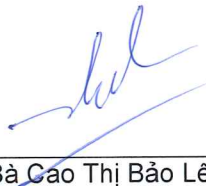
B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng	23.7	80.148.557.365	57.913.871.911
027	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		66.860.678.365	35.245.415.911
027.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán ("CTCK") quản lý		66.860.678.365	35.245.415.911
	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng		13.287.879.000	22.668.456.000
030	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.8	80.148.557.365	57.913.871.911
030.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		38.290.635.035	34.521.174.320
030.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		41.857.922.330	23.392.697.591



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03(a)g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước Thuế TNDN		5.263.527.627	(718.757.149)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		2.180.372.080	2.049.306.575
03	Khấu hao tài sản cố định	15,16	1.014.500.220	1.219.144.094
04	Các khoản trích lập dự phòng	12.5	315.273.972	-
06	Chi phí phải trả, chi phí trả trước		976.136.780	1.010.442.714
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (lãi không kì hạn của tiền gửi nhà đầu tư)		(125.538.892)	(180.280.233)
20	3. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(3.280.249.990)	(1.755.804.370)
21	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	4.1	(3.270.249.990)	(1.755.804.370)
28	Lãi từ thanh lý tài sản cố định		(10.000.000)	-
30	4. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động		(236.364.889.195)	(39.290.833.267)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(4.791.060)	(29.249.314.877)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(190.000.000.000)	22.300.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(48.856.960.358)	(37.801.736.654)
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.496.862.223	5.460.218.264
42	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.827.741.843)	(2.418.026.941)
45	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(98.969.821)	(9.520.155)
47	Giảm các khoản phải thu khác		(2.442.252.523)	(1.829.764.454)
50	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		216.651.925	(171.419.107)
51	Giảm phải trả, phải nộp khác		(1.503.171.424)	(407.323.225)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(236.028.981.321)	(42.134.115.152)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03(a)g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(483.038.500)	(720.177.876)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		10.000.000	-
65	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		125.538.892	180.280.233
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(347.499.608)	(539.897.643)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền nhận từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	22.1	400.000.000.000	-
73	2. Tiền vay gốc	19	256.450.000.000	71.573.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(281.110.000.000)	(45.030.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		375.340.000.000	26.543.000.000
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG KỲ		138.963.519.071	(16.131.012.795)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	10	38.627.883.916	82.977.923.766
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		38.627.883.916	82.977.923.766
102.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		627.883.916	2.875.423.766
102.2	Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	80.102.500.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	10	177.591.402.987	66.846.910.971
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		177.591.402.987	66.846.910.971
104.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		1.291.402.987	2.646.910.971
104.2	Các khoản tương đương tiền		176.300.000.000	64.200.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03(b)g-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		983.177.065.800	321.289.591.400
09	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.735.765.977.100)	(1.698.929.589.554)
	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		774.823.596.754	1.416.220.786.529
20	Tăng tiền thuần trong kỳ		22.234.685.454	38.580.788.375
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		57.913.871.911	38.425.579.888
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
32	1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		35.245.415.911	28.676.046.888
34	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		22.668.456.000	9.749.533.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		80.148.557.365	77.006.368.263
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
42	1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		66.860.678.365	69.423.925.263
44	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		13.287.879.000	7.582.443.000



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

B04g-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

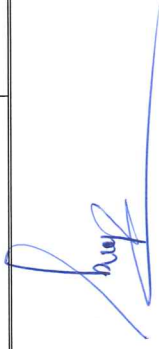
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1/1/2015 VND	Ngày 1/1/2016 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30/6/2015 VND	Ngày 30/6/2016 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	400.000.000.000	-	300.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn pháp định		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn bổ sung		-	-	-	-	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Quý dự trữ vốn điều lệ		11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế		(44.526.163.817)	(39.921.582.997)	(718.757.149)	-	5.263.527.627	-	(45.244.920.966)	(34.658.055.370)
- Lỗi lũy kế đã thực hiện		(44.541.904.872)	(49.472.076.837)	(2.474.561.519)	-	1.993.277.637	-	(47.016.466.391)	(47.478.799.200)
- Lợi nhuận chưa thực hiện		15.741.055	9.550.493.840	1.755.804.370	-	3.270.249.990	-	1.771.545.425	12.820.743.830
TỔNG CỘNG		255.497.586.417	260.102.167.237	(718.757.149)	-	405.263.527.627	-	254.778.829.268	665.365.694.864



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



12/8/2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007. Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của nước UBCKNN, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam). Giấy phép của Công ty được sửa đổi như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
121/GP-UBCK	Thay đổi hình thức pháp lý của Công ty	Ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 24 tháng 5 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 8, toà nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo thu nhập toàn diện; báo cáo thu nhập toàn diện khác, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ngoài ra, Thông tư 210 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau: (tiếp theo)

- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Công ty đã áp dụng các thay đổi chính sách kế toán mới trên cơ sở hồi tố và đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 trong báo cáo tài chính kỳ này như đã trình bày tại *Thuyết minh 27*.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau: (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập toàn diện;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm theo phương pháp định tính và định lượng theo quy định tại Thông tư 210.

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro thấp hơn khi khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo kỳ hạn trả nợ ban đầu (đối với các khoản cho vay quá hạn) hoặc theo kỳ hạn trả nợ đã cơ cấu (đối với các khoản cho vay cơ cấu); đồng thời thỏa mãn đầy đủ các điều kiện về hồ sơ, chứng từ khách hàng đã trả nợ; và các tài liệu đánh giá khả năng khách hàng trả nợ còn lại đúng hạn.

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau:

- ▶ Xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường, lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực trực tiếp đến khả năng trả nợ của khách hàng như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế;
- ▶ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;
- ▶ Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu để đánh giá khả năng trả nợ;
- ▶ Khoản nợ đã được phân loại vào các nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm có rủi ro thấp hơn;
- ▶ Nợ mà hành vi cho vay bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được theo dõi tiếp tục ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng (nếu có) do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

3.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính AFS và HTM

Các tài sản tài chính AFS và HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm: dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Trong đó:

- ▶ Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản cho vay cụ thể.
- ▶ Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

Phương pháp trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay theo hướng dẫn tại Thông tư 210 như sau:

- ▶ Dự phòng chung phải trích được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản tiền gửi.
- ▶ Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng chung bằng 0,75% dư nợ các khoản cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4 theo phương pháp hướng dẫn của Thông tư 210 do chưa có hướng dẫn cụ thể về thời điểm thực hiện trích lập và lộ trình trích lập dự phòng. Ngày 7 tháng 7 năm 2016, Công ty đã gửi Công văn 293/2016/CV-MAWMHCM cho UBCKNN đề nghị chưa thực hiện trích lập dự phòng chung cho kỳ kế toán sáu tháng.

3.9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phần ảnh hưởng và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí quản lý*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

3.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	4 năm
Thiết bị văn phòng	4 năm
Phần mềm	3 - 4 năm

3.14 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.15 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 38 năm vào báo cáo thu nhập toàn diện:

- ▶ Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống, sửa chữa văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng;
- ▶ Các loại chi phí khác.

3.16 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi các khoản vay và chi phí liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17 *Lợi ích của nhân viên*

3.17.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.17.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.17.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.19 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tụt doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tụt doanh.

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh khoản vốn đã góp của chủ sở hữu theo Điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty ngoài các khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.22 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

B05g-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. LÃI TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH
4.1. Chênh lệch đánh giá lại các TSTC

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này VND
I	Loại FVTPL Cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh 12.6) Trong đó: - Chênh lệch đánh giá tăng - Chênh lệch đánh giá giảm	41.611.852.445	54.432.596.275	12.820.743.830	9.550.493.840	3.270.249.990
II	HTM	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	8.778.250.900 (5.508.000.910)
III	Các khoản cho vay và phải thu	133.939.355.724	133.624.081.752	(315.273.972)	-	(315.273.972)
IV	AFS	572.618.000	572.618.000	-	-	-
	Tổng cộng	476.123.826.169	488.629.296.027	12.505.469.858	9.550.493.840	2.954.976.018

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

4. LÃI TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.2. *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ tài sản tài chính HTM	7.087.974.063	6.013.413.308
- <i>Doanh thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	7.087.974.063	6.013.413.308
Từ các khoản cho vay và phải thu	5.581.017.934	2.340.346.426
- <i>Doanh thu từ dịch vụ ứng trước</i>	305.089.487	251.929.797
- <i>Doanh thu từ dịch vụ ký quỹ</i>	5.275.928.447	2.088.416.629
Từ tài sản tài chính FVTPL	834.068.720	552.186.561
- <i>Doanh thu cổ tức</i>	834.068.720	552.186.561
Tổng cộng	13.503.060.717	8.905.946.295

4.3. *Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.011.638.236	2.995.472.679
Doanh thu hoạt động tư vấn	172.084.554	1.106.905
Doanh thu lưu ký chứng khoán	284.073.272	248.670.260
	5.467.796.062	3.245.249.844

5. CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên môi giới	3.149.449.397	2.843.186.724
- <i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	2.886.409.397	2.451.051.724
- <i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	263.040.000	392.135.000
Chi phí môi giới	1.156.492.512	822.745.739
Hoa hồng theo doanh số	942.352.240	57.811.099
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	804.849.768	970.432.712
Máy tính và các chi phí liên quan	634.020.313	714.700.668
Chi phí thuê văn phòng	608.074.184	611.448.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.376.303	326.456.541
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	224.485.449	196.359.827
Chi phí tiếp khách	161.491.545	115.868.384
Công tác phí	47.058.428	42.468.419
Chi phí khác	290.240.678	262.216.726
Tổng cộng	8.323.890.817	6.963.694.839

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

6. LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoản kỳ này VND	Lỗ bán chứng khoản lũy kế đến kỳ này VND	Lỗ bán chứng khoản lũy kế kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	2.000	28.300	56.600.000	29.500	(2.400.000)	(2.400.000)	(24.300.000)

7. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	125.538.892	180.280.233
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	176.752.108
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	9.966
Tổng cộng	125.538.892	357.042.307

8. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.726.238.716	3.816.728.058
- Lương và các khoản phúc lợi	3.530.805.216	3.598.711.308
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	195.433.500	218.016.750
Chi phí tư vấn	933.704.359	423.955.572
Chi phí thuê văn phòng	846.830.741	811.268.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.459.653	338.070.988
Chi phí xe ô tô	304.935.401	502.485.605
Chi phí thuế, phí và lệ phí	211.357.849	212.120.621
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	209.650.452	248.711.382
Chi phí lễ tân khánh tiết	202.494.691	341.887.976
Công tác phí	172.091.885	346.227.140
Chi phí máy vi tính và các chi phí liên quan	167.739.322	184.701.793
Chi phí văn phòng phẩm	19.556.246	59.303.665
Chi phí khác	292.327.463	281.949.093
Tổng cộng	7.434.386.778	7.567.410.533

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế TNDN	5.263.527.627	(718.757.149)
Trừ:		
<i>Thu nhập cổ tức không chịu thuế</i>	(834.068.720)	(552.186.561)
<i>Thu nhập đánh giá lại</i>	(4.947.217.298)	(15.741.055)
Cộng:		
<i>Các khoản chi phí khác không được khấu trừ</i>	235.796.069	113.400.164
<i>Chi phí dự phòng tài sản tài chính</i>	315.273.972	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước khi cần trừ lỗ năm trước	33.311.650	(1.173.284.601)
Lỗ các năm trước chuyển sang	(33.311.650)	-
Lợi nhuận tính thuế ước tính trong kỳ	-	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	-	-

Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 32.632.765.913 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 32.666.077.563 đồng) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế VND</i>	<i>Tổng chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
2011	2016	8.167.713.672	(33.311.650)	8.134.402.022
2013	2018	13.767.132.405	-	13.767.132.405
2014	2019	4.632.834.500	-	4.632.834.500
2015	2020	6.098.396.986	-	6.098.396.986
Tổng cộng		32.666.077.563	(33.311.650)	32.632.765.913

10. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền	1.291.402.987	627.883.916
- Tiền mặt tại quỹ	7.035.500	5.254.500
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.281.604.298	620.759.734
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.763.189	1.869.682
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	176.300.000.000	38.000.000.000
Tổng cộng	177.591.402.987	38.627.883.916

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

11. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Đơn vị</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VND</i>
a. Của Công ty	4.000	115.600.000
- Cổ phiếu	4.000	115.600.000
b. Của nhà đầu tư	168.106.655	3.728.570.888.100
- Cổ phiếu	159.736.655	2.889.505.718.100
- Trái phiếu	8.370.000	839.065.170.000
Tổng cộng	168.110.655	3.728.686.488.100

12. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

12.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	<i>Số dư cuối kỳ (VND)</i>		<i>Số dư đầu kỳ (VND)</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cổ phiếu niêm yết	41.611.852.445	54.432.596.275	41.607.061.385	51.157.555.225

12.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	180.000.000.000	110.000.000.000
Ngân hàng KEB Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	50.000.000.000	-
Ngân hàng Woori - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	50.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	10.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 2	-	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm	120.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 2	60.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	60.000.000.000	-
Tổng cộng	300.000.000.000	110.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

12. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.3 Các khoản cho vay

	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động:				
Giao dịch ký quỹ	132.060.515.806	131.745.241.834	77.449.191.733	77.449.191.733
Ứng trước	1.878.839.918	1.878.839.918	7.633.203.633	7.633.203.633
Tổng cộng	133.939.355.724	133.624.081.752	85.082.395.366	85.082.395.366

12.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	572.618.000	572.618.000

Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) ("Mirae Asset Realty") là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Tại ngày báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có thông tin đánh giá đáng tin cậy.

12.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Các khoản cho vay và phải thu	315.273.972	-

Biến động dự phòng trong kỳ của dự phòng cho vay và phải thu như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	315.273.972	-
Số dư cuối kỳ	315.273.972	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng chung bằng 0,75% dư nợ các khoản cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4 theo phương pháp hướng dẫn của Thông tư 210 do chưa có hướng dẫn cụ thể về thời điểm thực hiện trích lập và lộ trình trích lập dự phòng. Ngày 7 tháng 7 năm 2016, Công ty đã gửi Công văn 293/2016/CV-MAWMHCM cho UBCKNN đề nghị chưa thực hiện trích lập dự phòng chung cho kỳ kế toán sáu tháng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

B05g-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.6 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

STT	Các loại tài sản tài chính	Số dư cuối kỳ						Số dư đầu kỳ					
		Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND			
				Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND				
I	FVTPL												
	Cổ phiếu												
	Cổ phiếu niêm yết												
	VNM	21.887.870.199	34.893.975.000	13.006.104.801	-	34.893.975.000	21.887.870.199	9.788.929.801	-	31.676.800.000	-	31.676.800.000	6.866.859.300
	FPT	6.197.694.390	6.834.300.000	636.605.610	-	6.834.300.000	6.197.694.390	669.317.550	-	6.866.859.300	-	6.866.859.300	5.735.000.000
	MSN	5.934.500.000	4.921.000.000	-	(1.013.500.000)	4.921.000.000	5.934.500.000	-	(199.500.000)	5.735.000.000	(199.500.000)	5.735.000.000	3.244.399.200
	REE	3.644.267.380	3.035.332.500	-	(608.934.880)	3.035.332.500	3.644.117.440	-	(399.718.240)	3.244.399.200	(399.718.240)	3.244.399.200	1.272.985.000
	BIC	1.589.339.000	1.651.440.000	62.101.000	-	1.651.440.000	1.589.339.000	-	(316.354.000)	1.272.985.000	(27.250.000)	1.272.985.000	1.216.750.000
	MWG	1.244.000.000	1.906.500.000	662.500.000	-	1.906.500.000	1.244.000.000	23.254.800	-	1.216.750.000	-	1.216.750.000	917.858.200
	MBB	894.850.450	939.325.800	44.475.350	-	939.325.800	894.603.400	-	(10.990.320)	917.858.200	-	917.858.200	28.769.400
	ACB	39.759.720	27.607.000	-	(12.152.720)	27.607.000	39.759.720	-	(41.757.258)	28.769.400	-	28.769.400	198.134.125
	Khác	179.571.306	223.115.975	85.924.377	(42.379.708)	223.115.975	175.329.876	64.561.507	-	198.134.125	-	198.134.125	-
		41.611.852.445	54.432.596.275	14.497.711.138	(1.676.967.308)	54.432.596.275	41.607.061.385	10.546.063.658	(995.569.818)	51.157.555.225	(995.569.818)	51.157.555.225	110.000.000.000
II	HTM	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	133.939.355.724	133.624.081.752	-	(315.273.972)	133.624.081.752	85.082.395.366	-	-	85.082.395.366	-	85.082.395.366	-
IV	AFS	572.618.000	572.618.000	-	-	572.618.000	572.618.000	-	-	572.618.000	-	572.618.000	-
	Tổng cộng	476.123.826.169	488.629.296.027	14.497.711.138	(1.992.241.280)	488.629.296.027	237.262.074.751	10.546.063.658	(995.569.818)	246.812.568.591	(995.569.818)	246.812.568.591	246.812.568.591

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.912.098.889	4.408.961.112
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	172.090.189	73.120.368
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8.264.008	2.772.711
Phải thu khác	931.144.493	126.278.764
Tổng cộng	3.023.597.579	4.611.132.955

14. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	869.604.242	490.274.650
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động	405.360.000	380.350.880
- Chi phí phúc lợi nhân viên	101.250.000	-
- Chi phí giao dịch	149.000.000	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	213.994.242	109.923.770
Tạm ứng cho nhân viên	10.297.101	111.581.306
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Tài sản ngắn hạn khác	125.148.000	6.091.275
Tổng cộng	1.007.249.343	610.147.231

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Mua trong kỳ	-	109.538.000	109.538.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.561.069.359)	-	(3.561.069.359)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	894.800.000	9.056.990.883	9.951.790.883
Khấu hao lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	(4.455.869.359)	(7.782.379.740)	(12.238.249.099)
Khấu hao trong kỳ	-	(285.918.750)	(285.918.750)
Thanh lý, nhượng bán	3.561.069.359	-	3.561.069.359
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	(894.800.000)	(8.068.298.490)	(8.963.098.490)
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	-	1.165.073.143	1.165.073.143
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	988.692.393	988.692.393

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	<i>Số dư cuối kỳ</i> VND	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>7.127.461.134</u>	<u>7.127.461.134</u>

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>7.729.384.240</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.729.384.240</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	(6.375.971.845)
Hao mòn trong kỳ	<u>(728.581.470)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(7.104.553.315)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>1.353.412.395</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>624.830.925</u>

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>Số dư cuối kỳ</i> VND	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	<u>3.388.917.280</u>	<u>1.324.832.689</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ</i> VND	<i>Số dư đầu kỳ</i> VND
Phí hội viên câu lạc bộ golf	1.003.185.205	1.018.778.716
Chi phí bảo trì hệ thống, sửa chữa văn phòng	537.601.480	436.084.688
Chi phí vật dụng văn phòng	158.563.436	190.462.237
Tổng cộng	<u>1.699.350.121</u>	<u>1.645.325.641</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

18. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<i>Số dư cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	2.106.970.104	1.567.158.026
Tiền nộp bổ sung	66.684.828	454.115.233
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	122.760.334	85.696.845
Tổng cộng	2.296.415.266	2.106.970.104

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

19. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số dư đầu kỳ VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Ngân hàng KEB Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	-	27.990.000.000	18.350.000.000	9.640.000.000
Ngân hàng Woori - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5,70	19.300.000.000	82.400.000.000	101.700.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh - Chợ Lớn	8,50	15.000.000.000	146.060.000.000	161.060.000.000	-
Tổng cộng		34.300.000.000	256.450.000.000	281.110.000.000	9.640.000.000

Khoản vay từ Ngân hàng KEB Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 9.640.000.000 VND chịu lãi suất 5,50%/năm, có thời hạn 1 tháng, gốc và lãi trả cuối kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có giá trị 20.000.000.000 VND kỳ hạn 1 tháng tại cùng ngân hàng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") giao dịch chứng khoán	217.270.379	79.273.657
Thuế TNCN cán bộ nhân viên	51.405.244	132.873.772
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	120.880.225	1.117.884
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.329.131	1.967.741
Tổng cộng	<u>431.884.979</u>	<u>215.233.054</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước:

<i>Chỉ tiêu</i>	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp</u> <u>trong kỳ</u> VND	<u>Số đã nộp</u> <u>trong kỳ</u> VND	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND
I - Thuế - Phải trả				
Thuế TNCN cán bộ nhân viên	132.873.771	910.242.795	(991.711.322)	51.405.244
Thuế TNCN nộp hộ nhà đầu tư	79.273.657	838.755.409	(700.758.687)	217.270.379
Thuế nhà thầu	1.117.884	481.587.615	(361.825.274)	120.880.225
Thuế khác	1.967.741	137.010.872	(96.649.482)	42.329.131
	<u>215.233.053</u>	<u>2.367.596.691</u>	<u>(2.150.944.765)</u>	<u>431.884.979</u>
II - Thuế - Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(2.772.711)	(5.491.297)	-	(8.264.008)
	<u>212.460.342</u>	<u>2.362.105.394</u>	<u>(2.150.944.765)</u>	<u>423.620.971</u>

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả lương tháng 13	528.752.930	1.429.387.442
Phí giao dịch chứng khoán	273.261.508	231.824.107
Phí chuyên môn	190.000.000	217.656.623
Phải trả hoa hồng môi giới	169.509.288	94.474.875
Chi phí phải trả khác	172.341.272	165.146.881
Tổng cộng	<u>1.333.864.998</u>	<u>2.138.489.928</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Vốn chủ sở hữu*

Công ty mẹ trực tiếp là Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. Công ty mẹ cấp trung gian là Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd và công ty mẹ cấp cao nhất là Mirae Asset Capital Co., Ltd, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited đã hoàn tất các kế hoạch mua lại toàn bộ cổ phần từ các cổ đông Việt Nam hiện hữu của Công ty.

Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định 121/GP-UBCK của Ủy ban chứng khoán - Bộ tài chính, quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) và cấp phép thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Công ty chuyển từ hình thức công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn và được sở hữu toàn phần bởi Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited.

Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu như sau:

	<i>Số vốn theo giấy phép thành lập và hoạt động VND</i>	<i>Số vốn điều lệ đã góp VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	300.000.000.000	300.000.000.000
Số dư tại ngày 8 tháng 1 năm 2016	300.000.000.000	300.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	400.000.000.000	400.000.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	700.000.000.000

Quá trình tăng vốn chủ sở hữu như sau:

- ▶ Ngày 25 tháng 3 năm 2016: Nghị quyết của Hội đồng Thành viên đề xuất Chủ sở hữu của Công ty, nghĩa là Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited góp thêm vốn điều lệ vào Công ty.
- ▶ Ngày 30 tháng 3 năm 2016: Quyết định của Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited ("MAWMHK") tăng vốn điều lệ của Công ty từ 300.000.000.000 đồng lên 700.000.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của MAWMHK là 100%.
- ▶ Ngày 26 tháng 4 năm 2016: Thông báo Số 2166/UBCK-QLKD, UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty và yêu cầu thực hiện đúng phương án tăng vốn như đã đăng ký.
- ▶ Ngày 6 tháng 5 năm 2016: MAWMHK chuyển 400.000.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa của Công ty tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- ▶ Ngày 24 tháng 5 năm 2016: UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 12/GPĐC-UBCK, trong đó, điều chỉnh Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng.
- ▶ Ngày 24 tháng 5 năm 2016: Công ty thực hiện sửa đổi Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng trong Điều lệ của Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Lỗ lũy kế

Lỗ lũy kế bao gồm:

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Lỗ lũy kế đã thực hiện	(47.478.799.200)	(49.472.076.837)
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.820.743.830	9.550.493.840
Tổng cộng	(34.658.055.370)	(39.921.582.997)

23. THUYẾT MINH CÁC TÀI SẢN LOẠI 0

23.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty

Tài sản tài chính	<i>Số dư cuối kỳ Đơn vị</i>	<i>Số dư đầu kỳ Đơn vị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	772.269	752.671

23.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty

Tài sản tài chính	<i>Số dư cuối kỳ Đơn vị</i>	<i>Số dư đầu kỳ Đơn vị</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	406	188

23.3 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty

Tài sản tài chính	<i>Số dư cuối kỳ Đơn vị</i>	<i>Số dư đầu kỳ Đơn vị</i>
Cổ phiếu	21.557	17

23.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

Tài sản tài chính	<i>Số dư cuối kỳ Đơn vị</i>	<i>Số dư đầu kỳ Đơn vị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	217.183.796	194.493.493
- Cổ phiếu	125.187.383	109.597.080
- Trái phiếu	91.996.413	84.896.413
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	15.100	15.100
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.500	4.500
Tài sản tài chính chờ thanh toán	361.140	419.100
Tổng cộng	217.564.536	194.932.193

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

23. THUYẾT MINH CÁC TÀI SẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

23.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số dư cuối kỳ Đơn vị	Số dư đầu kỳ Đơn vị
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	429.348	222.179
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	5.110
Tổng cộng	429.348	227.289

23.6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số dư cuối kỳ Đơn vị	Số dư đầu kỳ Đơn vị
Cổ phiếu	503.268	28.032

23.7. Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	66.860.678.365	35.245.415.911
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.207.067.035	12.390.942.320
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	40.653.611.330	22.854.473.591
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	13.287.879.000	22.668.456.000
Tổng cộng	80.148.557.365	57.913.871.911

23.8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	66.860.678.365	35.245.415.911
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	26.207.067.035	12.390.942.320
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	40.653.611.330	22.854.473.591
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	13.287.879.000	22.668.456.000
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	12.083.568.000	22.130.232.000
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	1.204.311.000	538.224.000
Tổng cộng	80.148.557.365	57.913.871.911

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

23. THUYẾT MINH CÁC TÀI SẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

23.9. Phải trả của nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải trả phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 13)	172.090.189	73.120.368

23.10. Phải trả vay Công ty của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải trả nhà đầu tư nghiệp vụ:		
Vay ký quỹ (Thuyết minh 12.3)		
Phải trả gốc margin	132.060.515.806	77.449.191.733
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	132.011.095.193	77.370.074.110
- Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	49.420.613	79.117.623
Ứng trước (Thuyết minh 12.3)		
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.878.839.918	7.633.203.633
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	1.586.735.074	6.663.007.908
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	292.104.844	970.195.725
Tổng cộng	133.939.355.724	85.082.395.366

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited	Công ty mẹ	Góp vốn chủ sở hữu	400.000.000.000	-
Công ty Mirae Asset Securitites Co.,Ltd	Công ty mẹ trung gian	Doanh thu môi giới chứng khoán	30.164.804	9.350.780
Công ty Mirae Asset Global Investment	Công ty liên quan	Doanh thu môi giới chứng khoán	258.805.212	185.129.165
Công ty Mirae Asset Exim Investment Limited	Công ty liên quan	Doanh thu lưu ký chứng khoán	135.541.148	134.799.786
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	73.226.773	187.722.927
Tổng Giám đốc	Ban điều hành	Lương và lợi ích khác	549.470.818	2.962.198.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

24.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	73.226.773	187.722.927

24.2 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Đến 1 năm	2.774.160.000	665.404.446
Từ 1 - 5 năm	4.864.320.000	-
Tổng cộng	7.638.480.000	665.404.446

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vì đa phần các khoản tiền gửi, cho vay và vay trong kỳ có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không có do Công ty không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 54.432.596.275 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 51.157.555.225 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 5.444.459.665 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.117.160.175 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 5.441.792.915 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.114.038.725 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 10* và *Thuyết minh 12.2*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 12.5* là các khoản vay giao dịch ký quỹ bị vi phạm tỷ lệ ký quỹ duy trì tối thiểu của Công ty, Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tổng cộng VND	Bị suy giảm giá trị VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				
			Dưới 3 tháng VND	Từ 3 - 6 tháng VND	Từ 6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND	
Các khoản cho vay	133.939.355.724	11.617.302.058	122.322.053.666	-	-	-	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
30 tháng 06 năm 2016				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	180.000.000.000	120.000.000.000	300.000.000.000
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	54.432.596.275	-	-	54.432.596.275
Các khoản cho vay - gộp	-	133.939.355.724	-	133.939.355.724
Tài sản tài chính khác	-	2.535.633.571	1.232.768.290	3.768.401.861
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	172.090.189	-	172.090.189
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	111.550.000	641.518.290	753.068.290
- Phải thu khác	-	2.251.993.382	591.250.000	2.843.243.382
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.291.402.987	176.300.000.000	-	177.591.402.987
TỔNG CỘNG	55.723.999.262	492.774.989.295	121.232.768.290	669.731.756.847
NỢ TÀI CHÍNH				
Vay và nợ ngắn hạn	-	(9.640.000.000)	-	(9.640.000.000)
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	(199.322.980)	-	(199.322.980)
Phải trả, phải nộp khác	-	(522.358.494)	-	(522.358.494)
TỔNG CỘNG	-	(10.361.681.474)	-	(10.361.681.474)
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	55.723.999.262	482.413.307.821	121.232.768.290	659.370.075.373

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

26. QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN

Công ty tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về tỷ lệ an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ an toàn tài chính ở mức không thấp hơn 150%, đồng thời xây dựng các phương án dự phòng trong trường hợp tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty rơi xuống mức thấp hơn 150%. Công ty lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng và báo cáo tỷ lệ đó cho UBCKNN.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN (tiếp theo)

Tỷ lệ an toàn tài chính/tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn tài chính (\%)} = (\text{Vốn khả dụng}/\text{tổng rủi ro}) * 100\%$$

$$\text{Vốn khả dụng} = \text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{Giảm trừ vốn chủ sở hữu} + \text{Tăng vốn chủ sở hữu}$$

$$\text{Tổng rủi ro} = \text{Rủi ro thị trường} + \text{Rủi ro tín dụng} + \text{Rủi ro hoạt động}$$

Theo đó, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 671%.

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong kỳ, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của kỳ này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

a) Trích từ báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

TÀI SẢN	Diễn giải	Số dư đầu kỳ (số liệu đã trình bày) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Số dư đầu kỳ (trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền				
1. Tiền	[1]	58.541.755.827	(57.913.871.911)	627.883.916
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
1. Đầu tư ngắn hạn (**)	[2]	161.157.555.225	(161.157.555.225)	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	51.157.555.225	51.157.555.225
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[2]	-	110.000.000.000	110.000.000.000
4. Trả trước cho người bán (**)	[3]	6.091.275	(6.091.275)	-
5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[3]	85.155.515.734	(85.155.515.734)	-
6. Các khoản phải thu khác	[3]	4.535.239.876	(4.408.961.112)	126.278.764
7. Các khoản cho vay (*)	[3]	-	85.082.395.366	85.082.395.366
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	[3]	-	73.120.368	73.120.368
9. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[3]	-	4.408.961.112	4.408.961.112
III. Tài sản ngắn hạn khác				
1. Tài sản ngắn hạn khác	[4]	113.781.306	(107.690.031)	6.091.275
2. Tạm ứng (*)	[4]	-	111.581.306	111.581.306
3. Cầm cố, ký quỹ ký cược (*)	[4]	-	2.200.000	2.200.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
I. Tài sản dài hạn khác				
1. Tài sản dài hạn khác (**)	[5]	735.681.327	(735.681.327)	-
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[5]	-	735.681.327	735.681.327
TỔNG TÀI SẢN		355.582.067.214	(57.913.871.911)	297.668.195.303
A. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn				
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	[1]	57.913.871.911	(57.913.871.911)	-
TỔNG NGUỒN VỐN		355.582.067.214	(57.913.871.911)	297.668.195.303

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng

[2] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210

[3] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210

[4] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210

[5] Phân loại lại các khoản tài sản dài hạn khác theo quy định của Thông tư 210

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

b) Trích từ Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước	Điều chỉnh theo	Kỳ trước
		(số liệu đã trình bày) VND	Thông tư 210 VND	(trình bày lại) VND
1. Doanh thu				
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán (**)	[6]	2.995.472.679	(2.995.472.679)	-
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[6]	3.386.319.061	(3.386.319.061)	-
- Doanh thu khác (**)	[6]	8.710.802.041	(8.710.802.041)	-
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[6]	-	2.520.000	2.520.000
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ (*)	[6]	-	2.831.612.500	2.831.612.500
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL (*)	[6]	-	552.186.561	552.186.561
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	[6]	-	6.013.413.308	6.013.413.308
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[6]	-	2.340.346.426	2.340.346.426
- Doanh thu tư vấn	[6]	-	2.995.472.679	2.995.472.679
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện (*)	[6]	-	9.966	9.966
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ (*)	[6]	-	180.280.233	180.280.233
- Doanh thu khác về đầu tư (*)	[6]	-	176.752.108	176.752.108
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)		15.342.370.946	(15.342.370.946)	-
3. Doanh thu hoạt động (*)		-	14.985.328.639	14.985.328.639
4. Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	[7]	(8.491.177.774)	8.491.177.774	-
<i>Trong đó:</i>				
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	(24.300.000)	(24.300.000)
- Chênh lệch giảm đánh giá lại (*) các tài sản tài chính FVTPL (*)	[7]	-	(1.075.808.130)	(1.075.808.130)
- Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[7]	-	(50.682.250)	(50.682.250)
- Chi phí môi giới chứng khoán (*)	[7]	-	(6.963.694.839)	(6.963.694.839)
- Chi phí lưu ký chứng khoán (*)	[7]	-	(376.692.555)	(376.692.555)
- Doanh thu hoạt động tài chính (*)	[7]	-	357.042.307	357.042.307
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (**)	[7]	(7.567.410.533)	7.567.410.533	-
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)	[7]	(716.217.361)	716.217.361	-
Kết quả hoạt động kinh doanh (*)	[7]	-	(716.217.361)	(716.217.361)
7. Thu nhập khác (**)	[7]	7.578	(7.578)	-
8. Chi phí khác (**)	[7]	(2.547.366)	2.547.366	-
Thu nhập khác và chi phí khác (*)	[7]	-	(2.539.788)	(2.539.788)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(718.757.149)	-	(718.757.149)

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo thu nhập toàn diện theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo thu nhập toàn diện không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

b) Trích từ Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[6] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210

[7] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210

c) Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (số liệu đã trình bày) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Kỳ trước (phân loại lại) VND
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		121.403.503.655	(38.425.579.889)	82.977.923.766
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		143.853.279.234	(77.006.368.263)	66.846.910.971

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (số liệu đã trình bày) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Kỳ trước (phân loại lại) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	38.425.579.888	38.425.579.888
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-	38.425.579.888	38.425.579.888
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	28.676.046.888	28.676.046.888
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	9.749.533.000	9.749.533.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách		-	77.006.368.263	77.006.368.263
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		-	77.006.368.263	77.006.368.263
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	69.423.925.263	69.423.925.263
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		-	7.582.443.000	7.582.443.000



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Nguyễn Hồng Quyền
Kế toán viên



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

